TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP.P** **TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 08 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 789/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Đại L sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 62/59 đường Bạch Đằng, khu phố 4, phường Đông Hải, thành phố P , tỉnh N

- Bà Bùi Thị C , sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Đông Hải, thành phố P , tỉnh N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, thành phố Phan Rang -Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Lợi và bà Cẩm không đồng ý trở về chung sống đoàn tụ, ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C xác nhận vợ chồng có 03 (*ba*) con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/6/2017 và Nguyễn Duy T , sinh ngày 13/8/2018 và Nguyễn Duy P , sinh ngày 19/6/2020. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận: Ông Nguyễn Đại L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Duy K , sinh ngày 10/6/2017 và Nguyễn Duy T , sinh ngày 13/8/2018; Bà Bùi Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 19/6/2020. Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C đều không phải cấp dưỡng nuôi con vì không ai yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (*Bảy*) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C đồng ý thuận tình ly hôn.

- ***Về con chung***:

+ Bà Bùi Thị C đồng ý giao 02 (*hai*) con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/6/2017 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 13/8/2018 cho ông Nguyễn Đại L trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Ông Nguyễn Đại L đồng ý giao 01 (*một*) con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 19/6/2020 cho bà Bùi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- ***Về tài sản chung, nợ chung***: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Lợi và bà Cẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004150, ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P , tỉnh N. Ông Nguyễn Đại L và bà Bùi Thị C đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh N ;
- VKSND TP. P ;
- CCTHADS TP. P ;
- UBND phường Đông Hải,TP.P ;

(*Giấy CNKH số: 136, quyển 01/2017 Ngày 08/8/2017*).
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Từ Công Từ Rượu